TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 646/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 7 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phẹo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi;

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Hoàng Thảo N, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Số 150/32 Huỳnh Văn Bánh, Phường 12, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Số 158/90/13 đường Lâm Thị Hố, tổ 7, khu phố 11, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Trọng T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 10 đường 76, tổ 19, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 11/9/2019, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Hoàng Thảo N trình bày:

Bà và ông Bùi Trọng T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã

T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/7/2012. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại nhà chồng ở xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó do công việc của bà là làm nghề tóc nên bà thường xuyên đi lại sống ở nhà chồng và nhà của cha mẹ bà ở phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Mâu thuẫn phát sinh từ khi bà mang thai lần thứ hai vào năm 2016, ông T thường hay ăn chơi mà không chịu đi làm, gây nợ nần, cha mẹ chồng phải đứng ra trả nợ nhiều lần, do đó ông bà thường hay cãi nhau. Đầu năm 2017, bà đã chuyển về ở luôn với cha mẹ bà ở Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và mở tiệm làm tóc ở đó luôn. Khi đó, ông T làm nghề tài xế xe, nên gia đình bà cũng tạo điều kiện cho mượn tiền để mua xe để chạy, nhưng do ông T ham chơi, kinh doanh không đạt hiệu quả nên có 10 tháng sau khi mua xe đã phải bán xe để trả nợ. Khi tranh cãi, ông T đã đánh bà phải nhập viện điều trị. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà N trình bày có 02 (hai) con chung tên Bùi Nguyễn Gia N, sinh ngày 09/10/2013 và Bùi Nguyễn Gia N, sinh ngày 01/01/2017, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con là 7.000.000 (bảy triệu) đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà N trình bày là tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà N trình bày là không có.

- Tại Bản tự khai ngày 01/6/2020, bà N trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn với ông Bùi Trọng T, yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con tên Bùi Nguyễn Gia N, sinh ngày 09/10/2013 và Bùi Nguyễn Gia N, sinh ngày 01/01/2017 nhưng không ông T cấp dưỡng nuôi hai con nữa.

- Tại phiên tòa bà N trình bày: Bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con tên Bùi Nguyễn Gia N, sinh ngày 09/10/2013 và Bùi Nguyễn Gia N, sinh ngày 01/01/2017. Từ ngày xảy ra mâu thuẫn, hai con đều do bà trực tiếp nuôi dưỡng, ông T chưa bao giờ ghé về nhà bà đang ở để thăm con lấy một lần và cũng không có phụ với bà về kinh tế để lo cho các con. Do ông T không thực hiện trách nhiệm của một người cha nên bà có yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con thì cũng chẳng có ý nghĩa nên nay bà không cần ông T cấp dưỡng nuôi con, với sự hỗ trợ của cha mẹ bà, bà sẽ tự lo cho các con. Về tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung thì không có.

Ông Bùi Trọng T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 11/9/2019, bà Nguyễn Hoàng Thảo N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Bùi Trọng T hiện đang cư trú tại: Số 10 đường 76, tổ 19, ấp Đình, xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Trọng T đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn không đến để tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Trọng T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Hoàng Thảo N và ông Bùi Trọng T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/7/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của bà Nguyễn Hoàng Thảo N thì sau kết hôn giữa bà và ông T đã có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống, đã không cảm nhận thấy hạnh phúc nên thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân là do ông T không quan tâm đến gia đình, thường hay ăn chơi mà không chịu đi làm, gây nợ nần, cha mẹ chồng phải đứng ra trả nợ nhiều lần, do đó ông bà thường hay cãi nhau. Đầu năm 2017, bà đã chuyển về ở luôn với cha mẹ bà ở Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và mở tiệm làm tóc ở đó luôn. Khi đó, ông T làm nghề tài xế xe, nên gia đình bà cũng tạo điều kiện cho mượn tiền để mua xe để chạy nhưng do ông T ham chơi, kinh doanh không đạt hiệu quả nên có 10 tháng sau khi mua xe đã phải bán xe để trả nợ, khi tranh cãi, ông T đã đánh bà phải nhập viện điều trị. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Ông T đã được Tòa triệu tập nhưng ông không đến Tòa, đồng thời cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến chứng tỏ ông T không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, không có giải pháp đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Theo giấy khai sinh số 88, quyển số 01/2013 ngày 14/10/2013 và giấy khai sinh số 05 ngày 12/01/2017 thể hiện giữa bà N và ông T có 02 (hai) con chung tên Bùi Nguyễn Gia N, sinh ngày 09/10/2013 và Bùi Nguyễn Gia N, sinh ngày 01/01/2017. Bà N trình bày từ ngày xảy ra mâu thuẫn, hai con đều do bà trực tiếp nuôi dưỡng, ông T chưa bao giờ ghé về nhà bà đang ở để thăm con lấy một lần và cũng không có phụ với bà về kinh tế để lo cho các

con. Xét trẻ Bùi Nguyễn Gia N và Bùi Nguyễn Gia N còn rất nhỏ, hiện đang chung sống với mẹ, để tạo tâm lý ổn định cho trẻ nên Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, bà N tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Bà N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà N trình bày không có.

Ông Bùi Trọng T vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu ông T có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Nguyễn Hoàng Thảo N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hoàng Thảo N:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Hoàng Thảo N được ly hôn với ông Bùi Trọng T.

Kể từ ngày 31/7//2020, Giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/7/2012 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Bùi Nguyễn Gia N, sinh ngày 09/10/2013 và Bùi Nguyễn Gia N, sinh ngày 01/01/2017.

Bà Nguyễn Hoàng Thảo N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung; ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Hoàng Thảo N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Hoàng Thảo N trình bày không có.

Nếu ông T có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Hoàng Thảo N phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0083293 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Phẹo